Kinh Upāli

Kalama tri ân bạn  hongtran411 ghi chép.

[03/11/2025 - 06:29 - hongtran411]

Thưa bà con, bài kinh trưa nay lẽ ra chúng ta phải được học từ rất lâu rồi, chứ không phải đợi tới bữa nay. Nhưng mà bây giờ mình cứ chạy theo bản Kālāma thì phải chịu thôi. Chứ nếu có một giáo trình, giáo án gọi là “giáo lý căn bản” thì bài kinh này là một trong khoảng mười bài kinh đầu tiên phải học. Vì sao vậy?

Vì thưa với bà con, nội dung tôi điểm sơ qua để bà con hiểu: ngài Upāli là một trong bảy người từ hoàng cung của dòng vua Thích-ca đi xuất gia. Trong đó có sáu vị hoàng thân gồm ngài Ānanda, ngài Bhaddiya, ngài Kimbila, ngài Anuruddha, ngài Bhagu và có ông Devadatta nữa. Còn ngài Upāli thì nằm ngoài sáu vị ấy — ngài là một ông thợ cạo cho hoàng tộc.

Có một chuyện rất đẹp là: sáu vị này xin với Đức Phật rằng trong buổi thọ giới, xin để cho ngài Upāli làm sư huynh. Bởi vì họ nói rằng: “Chúng con là hoàng thân quốc thích, mà bây giờ phải gọi ông ấy là sư huynh thì sẽ dằn bớt lòng kiêu mạn, chứ không thôi dễ sinh ngạo mạn.” Đó là điểm đặc biệt mình cần ghi nhận.

Chứ còn mình thời nay, có một chút thân thế là vô chùa nghênh ngang. Thí chủ mà khá khá một chút, vô chùa nhìn mặt thấy ghét lắm.

Tôi biết có nhiều bà đại gia ở Việt Nam cũng khá rồi, vô chùa không ăn cơm chung với bà con đâu. Trong chùa phải có nguyên cái bàn riêng cho nguyên một cái family — một cái big family của bà đại thí chủ ăn riêng. Ở ngoài chỉ cần liếc mắt vô là thấy ngay cái mâm đó là mâm của “thứ dữ”.

Trong khi dòng Thích-ca ngày xưa, hoàng thân quốc thích, lại là thân tộc của đức Thế Tôn — bậc Đạo Sư, Vô Thượng Điều Ngự — ghê gớm như vậy đó, nhưng người ta vẫn quyết định xin Thế Tôn cho họ thọ giới trễ một chút để ngài Upāli, người thợ cạo từng hầu hạ họ, được thọ giới trước. Để từ đó họ phải gọi ngài ấy là “sư huynh”. Đó là chuyện rất đặc biệt, nên ghi nhận.

Và một chuyện nữa là trong sáu vị hoàng thân ấy có những vị thành tựu đạo nghiệp rất lớn. Ngay cả ông Devadatta, nếu không khởi tâm bất thiện, thì ông đã có một đạo nghiệp rất rực rỡ. Ông xuất gia không bao lâu đã đắc tứ thiền, ngũ thông, đi mây về gió, coi như rất giỏi.

Ông còn có quá trình tu hành gấp đôi ngài Sāriputta. Nghĩa là ngài Sāriputta và Moggallāna tu một a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, còn ông Devadatta tu tới hai a-tăng-kỳ — gấp đôi. Chỉ vì khởi lòng bất thiện đối với Phật mà ông đã tạo ra nhiều điều không nên, và cuối cùng, như các vị biết, kết cục của ông cũng khá buồn.

Đại khái như vậy, ngài Upāli sau khi xuất gia thấy rằng hầu hết chư Tăng đều có xu hướng tìm về rừng sâu núi thẳm để ẩn cư. Chỉ có một số ít là ở bên cạnh Đức Phật hoặc ở lại nơi phố xá, làng mạc.

Trong kinh có chia 45 năm hoằng pháp của Đức Phật thành ba giai đoạn:

- Giai đoạn một gọi là Sơ Giác thời — 15 năm đầu, lúc ấy thánh nhiều hơn phàm, mà những vị phàm cũng đều là tinh hoa.

- Giai đoạn hai gọi là Trung Giác thời - gồm 15 năm giữa, tức là khoảng 50–50: nửa phàm, nửa thánh, cả về số lượng lẫn chất lượng.

- Giai đoạn ba gọi là Hậu Giác thời— 15 năm cuối, tức là 15 năm trước khi Đức Phật nhập Niết-bàn, lúc này thánh ít hơn phàm, mà hàng phàm thì lại tệ hơn phàm của 30 năm trước.

Chúng ta phải biết rằng ngài Upāli xuất gia trong 15 năm đầu sau khi Đức Phật thành đạo. Lúc đó là thời kỳ tinh hoa nhất — các vị thánh và cả những vị phàm cũng đều rất xuất sắc. Ngài Upāli khi ấy mới xin Đức Phật cho mình được vào rừng tu tập như các huynh đệ khác.

Tại sao tôi nói bài kinh này cần phải học sớm? Vì đa phần người tu Phật — tăng, ni, Phật tử — thường chia thành hai nhóm:

- Nhóm một cho rằng tu là phải ẩn cư trong núi rừng, thâm sơn cùng cốc. Suy nghĩ này tuy rất tốt, nhưng tốt không có nghĩa là tuyệt đối.

- Nhóm hai thì chủ trương cái gì cũng phải tiện nghi một chút.

Cả hai cách nghĩ này đều rơi vào cực đoan.

Khi ngài Upāli xin Đức Phật cho vào rừng tu, Đức Phật dạy hai điều vô cùng quan trọng.

Chuyện thứ nhất, Đức Phật nói rằng: người chưa đủ nội lực thì không nên vào rừng ẩn cư.

“Nội lực” ở đây, theo tiếng Pāli, có hai yếu tố:

1. Pubba-paṭṭhāna – tức là túc nguyện, nghĩa là trong đời quá khứ đã từng phát nguyện sống đời ẩn sĩ, hướng tâm về đời sống viễn ly.

2. Pubba-abhiṇīhāra – tức là túc duyên, nghĩa là trong nhiều đời nhiều kiếp đã từng sống trong rừng núi, quen với đời sống độc cư, tâm tư khắng khít với sự tĩnh lặng.

Nếu không có túc duyên sâu dày như vậy mà chỉ tùy hứng, thấy người ta đi rừng thì mình cũng đi theo, là không được.

Trong chú giải có nói rõ: người yếu nội lực mà sống một mình như vậy rất dễ rơi vào tà tư duy (micchā-saṅkappa).

“Tà tư duy” ở đây là ba loại ác niệm vọng động dễ khởi lên khi ở một mình mà yếu tay ấn.

Ba cái ác niệm, cái thứ nhất gọi là dục tư duy.

Có nghĩa là khi sống một mình như vậy đó, ở ngoài phố, ngoài làng thì không sao, mà cứ vô chỗ vắng vẻ xa xôi tự nhiên nó tơ tưởng nhiều thứ kỳ lắm. Thí dụ như giống như là sinh viên nghèo là một, bộ đội là hai, tù là ba — hồi đó không sao hết, mà tự nhiên cái làm sinh viên nghèo, làm bộ

đội, làm tù thì tự nhiên nó thèm nhiều cái kỳ lắm. Thèm ngọt, thích chè cháo bánh kẹo, thích đường tát, đường thẻ, thích những buổi cháo khuya, thích tình cảm nam nữ tùm lum hết, lạ lắm.

Mà khi mình có một đời sống bình thường thì mấy cái đó nó không có dậy sóng, còn khi ở một mình đó, nửa khuya trên rừng tự nhiên thèm bánh xèo, thèm chuối hấp, khoai luộc — làm sao mà chịu nổi. Thí dụ như vậy, nhẹ đó, cái đó là nhẹ đó. Rồi bao nhiêu ám ảnh phố xá phồn hoa ngày cũ nó tràn về, lấp đầy tâm. Đó gọi là dục niệm hay dục tư duy.

Rồi cái tiếp theo là sân tư duy.

Tự nhiên lên đó có trăm ngàn chuyện để mình bực bội: muỗi, mòng, rắn, rít, rồi chưa kể ba cái ma cỏ. Thôi, mình trong room, không nói tới ma, nói nhẹ thôi. Ở ngoài này không sao, chứ ban đêm trong rừng sâu, rừng khuya, những tiếng động đó kinh hoàng lắm, kinh hoàng lắm.

Chẳng hạn như ở Thái Lan, miền Đông Bắc, có những khu vực các vị thu đông đầu đà — đẹp cực đẹp, nhưng ai yếu ấn là ở không nổi. Về đêm, tiếng chim rừng, thú rừng nửa đêm kêu như con nít khóc. Mà mình biết trong rừng lấy đâu ra con nít, người lớn còn không có. Tiếng như con nít nằm nôi, bú bình, khóc giữa rừng vậy đó — mà thật ra là tiếng chim.

Rồi tiếng nai kêu, rồi có chỗ ban ngày ngồi ở chân thác — chư tăng Tây phương kể lại trong hồi ký — bên này ngồi thiền, bên kia là con gấu ngồi một cục tù lù đen thui. Rắn trăn thì có khi rớt xuống một cái “bịch” ngay bên cạnh, đen thui thùi lùi. Y áo, bình bát để đó, nó vô nằm khoanh trong đó. Rừng sâu núi thẳm kinh khủng lắm.

Chỉ riêng hình ảnh và âm thanh của rừng khuya thôi đã kinh hoàng lắm, chứ đừng có ngồi đó mà nói tu hành là dễ. Một đêm thôi là biết. Như ở Kalama, thử ở một mình ban đêm cũng đủ đời rồi. Chung quanh không có dân cư, chỉ là mỏm gió hú. Chùa Nam Phong ban đêm gió dữ lắm, gió Nam ở Kalama khiếp lắm, mà chung quanh đâu có rừng rú gì, chỉ có mấy farm nhẹ thôi, nhưng cũng ớn lắm.

Cho nên chuyện đầu tiên Đức Phật dạy là: nếu không có nội lực thì đừng vào rừng. Tối đa là chứng thánh, tối thiểu là phải có khả năng an trú vào thiền, tu hành vững. Còn những người như thợ săn, kiểm lâm thì khác — họ sống ở đó vì mục đích thế tục, nên không sợ; nhưng khi mình vào rừng với mục đích tu hành thì đừng tưởng sơn thần, lâm thần, mộc thần, thổ thần sẽ thương mình — chuyện đó không hứa đâu, kỳ lắm.

Làm thợ săn, đi tìm trầm, đốn gỗ, sống rừng theo mưu sinh thì không sao; nhưng hễ vào rừng để tu thì sẽ bị nhiều thử thách, bị khảo nghiệm. Đừng nghĩ cứ có giới luật, thanh tịnh, trì tụng là đủ — đó chỉ chiếm chừng 20%; 80% còn lại là thử thách khốc liệt.

Đó là nội dung: phải có nội lực mới nên vào rừng tu.

Cái nội dung hai mới hay nè. Đức Phật hỏi ngài Upāli từng bước, từng bước một. Một vị tỳ kheo mà thành tựu giới học, giới luật cho thật vững thì sao?

Giới của tỳ kheo là 227 điều, nhưng gom gọn lại thì chỉ còn ba thôi. Thế nào các vị cũng hỏi tôi: “Kinh nào, kinh nào?” — mệt quá. Thời này là thời internet mà, phải không? Vào trong Tăng Chi Bộ, phần Ba pháp, thì giới luật của tỳ kheo được gom lại còn ba điều cốt lõi.

Nghĩa là nếu thời mạt pháp mà giữ không nổi 227 giới, thì chỉ cần nhớ và giữ ba giới này thôi.

Một là tuyệt đối không gần nữ sắc.

Trong Tăng Chi Bộ, phần Ba pháp, có nói rằng giới luật của tỳ kheo gom gọn lại gồm ba điều, và điều thứ nhất là tránh tuyệt đối mọi thứ thuộc về nữ sắc.

“Nữ sắc” ở đây là gì? Trong Tăng Chi Bộ, phần Bảy pháp, giải thích rõ:

- Không gần gũi, chung đụng xác thịt là chuyện thứ nhất.
- Không lắng nghe họ nói cười.
- Không nhìn ngắm họ trửng giỡn.
- Không lén nhìn y phục, cách ngồi, dáng đi, dáng đứng của họ.
- Và sau cùng, dầu ở một mình cũng không tơ tưởng đến họ.

Bảy điều này gọi là trong Pāli là methunasam¬yoga, nghĩa là hành vi liên hệ đến sự đụng chạm xác thịt — đó là mức nặng nhất. Nhưng mức nhẹ hơn là thích tiếp xúc, thích gần gũi, thích nhìn ngắm, dù là nhìn trực diện hay nhìn trộm.

Cho nên, điều đầu tiên là phải tuyệt đối tránh nữ sắc. Một vị tỳ kheo làm được điều đó là đã thành tựu 1/3 giới phẩm rồi.

Rồi, 1/3 tiếp theo là: vị tỳ kheo tuyệt đối không có ý tích góp tài sản.

227 giới gom lại, điều thứ nhất là tuyệt đối tránh nữ sắc; điều thứ hai là tuyệt đối không tích góp tài sản — nghĩa là đi bát, ăn đúng trong ngày đó thôi.

Những thứ được xem là “thuốc chữa bệnh” thì chia làm hai loại:

- Loại thứ nhất là những thuốc như cây, lá, củ, rễ — có thể giữ cho đến khi dùng hết.
- Loại thứ hai là những thuốc “ngon ngon” như mật, bơ, đường, sữa — thì trong luật có quy định rõ chỉ được giữ trong thời hạn nhất định: có loại được 7 ngày, có loại 10 ngày, hoặc chỉ trong thời gian chữa bệnh mà thôi.

Đó là nói về tài sản nhỏ.

Còn tài sản lớn là cái cốc của tỳ kheo. Theo đúng luật Nguyên thủy, kích thước cốc được tính theo gang tay của Đức Phật (sugatavidatthiyā). Nếu quy ra đơn vị bây giờ thì bề dài tối đa khoảng 3 mét, bề ngang tối đa 1,7 mét.

Y áo cũng vậy, không được giữ dư. Ngoài tam y mặc trên người, chỉ được giữ thêm một bộ dự phòng.

Như vậy, từ thực phẩm cho đến thuốc men, đều chỉ được phép giữ một ít qua đêm, nói gì đến tài sản.

Chỗ ở (cốc, liêu) cũng giới hạn — tối đa chỉ 3 mét nhân 1,7 mét mà thôi.

Cái thứ ba là tuyệt đối không sở hữu bất cứ quý kim hay bảo vật nào.

Nói theo cách bây giờ là không được sở hữu bất cứ tài khoản hay tài sản nào liên hệ đến ngân hàng.

Tài sản ở đây được chia làm hai trường hợp:

- Trường hợp một: tỳ kheo lấy trộm hay chiếm đoạt một vật có giá trị đủ để bị kiện ra tòa — đó gọi là phạm tội trộm cắp.

- Trường hợp hai: nói về việc sở hữu tài sản, thì chữ "tài sản" trong luật có định nghĩa khác — nghĩa là tài sản đủ để mình có thể sống đời cư sĩ, có mái nhà, có phương tiện sinh sống thường nhật. Nói ví dụ theo cách hiện nay, nếu có tài sản khoảng một tỷ đồng, thì được xem là đã tích góp tài sản rồi. (Con số này chỉ là ví dụ tượng trưng thôi.)

Theo kinh, "tích góp tài sản" được hiểu là có của cải đủ để sống đời cư sĩ, tức là đã vượt ra ngoài phạm vi đời sống phạm hạnh.

Cho nên, y áo, thực phẩm, nhà đất, cùng các tài sản tế nhuyễn như bảo thạch, quý kim đều không được phép sở hữu.

Tóm lại, giới luật tỳ kheo gom lại còn ba điều:

1. Tuyệt đối tránh nữ sắc.

2. Tuyệt đối không tích góp tài sản.

3. Tuyệt đối tránh xa và không sử dụng các chất kích thích làm phương hại đến khả năng tự chủ, khiến tâm say sưa, ngà ngà, thiếu tỉnh giác.

Một vị tỳ kheo mà không nhớ hết 227 giới, chỉ cần giữ trọn ba giới này thôi, cũng đã là tỳ kheo chân chánh rồi.

Bởi vì nghe qua tưởng đơn giản, nhưng thật ra ba giới này là ba giới "chua" nhất, giữ được ba giới này thì 224 giới kia chỉ như búng tay mà thôi.

Toàn bộ nội dung của luật tỳ kheo, trong Tăng Chi Bộ nói rõ, đều có thể gom lại trong ba giới này.

Thì Đức Phật, ngài nói chuyện đầu tiên là ngài hỏi Upāli:

"Upāli nghĩ sao, vị nào có giới vậy có tốt không?"

Ngài thưa: "Dạ, tốt, tốt hơn cư sĩ."

Đức Phật hỏi tiếp: "Nếu mà giữ giới này mà so với một vị đắc Sơ thiền thì sao?"

Rồi cứ như vậy, Ngài hỏi đến Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, rồi đến Tứ vô sắc – Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Ngài Upāli xác nhận: “Bạch Thế Tôn, những thành tựu này tốt hơn cái cũ nhiều.”

Thì lúc bấy giờ, chúng ta thấy Đức Phật gợi ý cho ngài Upāli hai chuyện:

- Chuyện một: ngài Upāli xin vào trong rừng núi, thì Đức Phật mở ra hai vấn đề lớn. Một là, thiếu nội lực thì đừng có nghĩ đến chuyện bắt chước người ta, đó là chuyện một.

- Chuyện hai: cái giá trị cao nhất của đời tu không phải anh ở đâu, mà là anh có được cái gì, giới anh như thế nào, định anh như thế nào, tuệ anh như thế nào.

Do đó, nếu anh ở phố, ở làng mà anh có được những thành tựu tâm linh này thì không thua gì mấy ông ở núi, ở rừng, và anh cũng không cần phải lên núi, lên rừng.

Nhớ kỹ cái đó — chuyện này là chuyện quan trọng.

Chuyện một là phải có nội lực mới lên rừng, đó là chuyện đầu tiên.

Nhưng chuyện hai là xác định rằng dầu ở đâu đi nữa, cứu cánh cao nhất của đời tu là đạo nghiệp trong nội tâm, chứ không phải anh ở đâu.

Anh ở phố, ở làng mà có giới, có định, có tuệ thì anh không thua gì mấy ông ở rừng.

Còn nếu anh có đầy đủ ba cái này rồi thì ở rừng hay ở phố cũng vậy thôi.

Bằng chứng là ngài Revata – em ruột ngài Xá Lợi Phất – đệ nhất ẩn lâm, một đời ở trong rừng keo gai gốc mịt mùng.

Người thứ hai là ngài Mahā Kassapa, đệ nhất đầu-đà.

Vị thứ ba là ngài Mogharaja, đệ nhất phấn tảo y.

Nghe ba vị thôi là thấy ớn rồi. Mà cả ba vị này khi về gặp Phật, đều quỳ lạy sát bàn chân.

Khi Đức Phật đã tịch rồi, ngài Đại Ca Diếp về, lúc đó kim thân Thế Tôn chỉ còn là một cái sắc lạnh thôi, một cái di hài lạnh lẽo. Ngài về, ngài lấy trán chạm lên bàn chân Phật. Thấy không, đệ nhất đầu-đà mà vẫn lạy sát chân Thế Tôn.

Trong khi Đức Phật ở trong cốc liêu, ở phố xá, mà đệ tử thương kính hết lòng như vậy.

Vì sao? Vì các ngài biết rõ, Đức Phật ở phố hay ở làng hay ở núi sâu cũng vậy thôi, nội hàm của Đức Phật như trời như biển, như thái không vời vợi.

Phật ở phố mà lòng Phật không ở phố.

Lòng Phật chỉ có đại bi, lòng Phật chỉ có sự thấu xúc.

Mắt nhìn ba cõi mà lòng thấu ngàn đời.

Người như vậy đó, ở đâu cũng vậy thôi.

Ngài Mogharaja là đệ nhất phấn tảo,

Ngài Mahā Kassapa là đệ nhất đầu-đà,

Ngài Revata là đệ nhất ẩn lâm,

mà tất cả đều bái Thế Tôn là Đạo Sư.

Vì họ biết rằng Đạo Sư của mình ở phố mà không mặc phấn tảo y, nhưng là Tổ Sư của phấn tảo y,

Không ở rừng nhưng là Tổ Sư của hạnh rừng,

Không thực hành mười ba đầu-đà nhưng là Tổ Sư của đầu-đà.

Không có gì mà Ngài thua đệ tử hết.

Cho nên, nội dung bài kinh này nhấn mạnh hai chuyện:

1. Đừng bắt chước người ta tu tướng mà quên tu tâm, nghĩa là ăn mặc nâu sồng, ở núi sâu rừng thẳm mà quên chuyện trau dồi nội hàm.

2. Nếu anh đã có nội hàm rồi, thì chỗ nào thích hợp cho anh, anh cứ vào đó mà tu. Một cái townhouse, một cái penthouse, hay một căn hộ chung cư ở ngay trung tâm quận 1 — nếu anh đóng cửa lại, cách âm, cách nhiệt — thì anh vẫn có thể đắc đến Tứ thiền, Ngũ thông như thường.

Đấy, có một lần tôi đi viếng cái sơn trấn, phố núi của Thuỵ Sĩ. Tôi đi với Phật tử, tới giờ ăn thì họ dẫn tôi vào một chỗ. Mình đang đi trên phố, xe cộ rần rần rần rần, cái họ quẹo vô một cái hẻm nhỏ. Vừa quẹo vô thì tôi thấy có mấy bậc thang dẫn xuống lòng đất. Trời đang lạnh, mà thấy có chỗ chui xuống thì cũng thích, tôi mới đi xuống dưới.

Trời ơi, quý vị biết không, cái cửa kiếng của tiệm ăn đó vừa khép lại một cái, tôi liền khởi lên một cái — có thể nói là chánh tư duy cũng được. Tôi nghĩ: “Trời ơi, vậy đâu cần về núi tu, ở đây cũng được rồi.”

Trên đầu tôi chắc chừng ba, năm mét là khách du lịch đi rần rần rần rần, mà ở dưới này, trong cái hầm đó, chỉ cần mình dời miếng giấy ăn trên bàn cũng nghe được tiếng thở của người đối diện.

Nghĩa là ở đâu mà yên tĩnh, sạch sẽ, thông thoáng, lòng an lạc, điều kiện sinh hoạt tốt, thì mình có thể tu học ở đó. Không cần chấp điểm A, điểm B, điểm C, hay điểm F gì hết — cái đó là chấp tướng.

Quan trọng nhất là:

- Ở đâu mà mình có thể sống chánh niệm xuyên suốt, thì đó là chỗ tu.
- Ở đâu mà mình có thể chết bất cứ lúc nào với tâm bình thản, thì tôi cho rằng chỗ đó là thánh xứ, phạm xứ, phạm cung.
- Ở đâu mà tay mình luôn mở ra, không nắm siết, không chấp thủ, thì chỗ đó chính là đạo tràng.

Còn ở đâu mà mình có thể chết trong một buổi chiều hay trong đêm mà lòng thanh thản, thì chỗ đó mới thật là phạm xứ.

Còn anh nói với tôi là anh có một cái hũ tương, một cái vại cà ở trên núi, trong cái sơn động, một cái thảo lư thảo xá, mà anh chết mà cái lòng anh còn kẹt trong cái hũ tương đó là tôi chê anh nha. Tôi chê. Anh ở trên cái sơn động thảo xá mà cái lòng anh còn kẹt với cái hũ tương, cái vại cà đó là tôi chê. Anh cứ ở phố, nếu mà anh có cái cơ sở ở phố, cái quan trọng nhất anh hứa tôi ba chuyện thôi: giới, định, tuệ của anh phải ok. Giới, định, tuệ anh mà ok, thì anh ở trên nóc nhà Quốc hội, nóc Ủy ban Nhân dân Thành phố hay nóc Nhà Trắng cũng không sao hết.

Điều quan trọng nhất, chuyện thứ nhất tôi nhắc lại: ở chỗ rừng sâu núi thẳm là rất tốt, chư Phật tán thán chỗ ở đó. Nhưng tán thán không có nghĩa đó là chỗ duy nhất. Nhớ nha — không phải là chỗ duy nhất. Ngài tán thán đúng, ví dụ như bây giờ bác sĩ khuyên mình nên ăn rau, ăn cà chua, ăn xà lách, ăn trái cây — đúng, khích lệ đó là điều đúng. Nhưng điều đó không có nghĩa là tối ngày mình cứ lấy xà lách đội lên đầu, hay đeo một xâu cà chua trước ngực — như vậy là sai.

Cà chua, cà rốt, củ dền, khoai tây, xà lách — rất tốt, đúng. Nhưng nó không phải là toàn bộ sinh mệnh của con người, không phải là toàn bộ sức sống hay sinh lực của một con người. Nhớ đó.

Thì nội dung bài kinh này nhấn mạnh hai chuyện:

Thứ nhất, đừng bắt chước người ta, học đòi cái mà quá tầm của mình. Liệu cơm gắp mắm. Kéo ăn thì no, kéo co thì ấm. Đừng bắt chước người ta mà không biết lượng sức mình.

Thứ hai, cái giá trị cốt lõi, cứu cánh cao nhất của người tu chính là nội hàm tâm linh, chứ không phải anh mặc cái gì hay anh ở đâu.

Cái đó trong một chừng mực nào đó thì cũng có tí quan trọng, nhưng cốt lõi vẫn là nội hàm tâm linh của anh. Tóc anh có dài tới gót đi nữa, anh có mặc đồ LV, Gucci, Chanel, Prada đi nữa, nhưng nếu anh có chánh niệm, có lòng buông bỏ, thì đối với tôi, anh vẫn là hiền thánh.

Còn cái thứ mà anh te tua, ở rừng sâu núi thẳm, dạt dẹo vỉa hè mà ấm a ấm ớ Phật pháp không biết, không học Luật, không biết cái gì là phạm, không học Đạo, không biết cái gì là tà kiến, không học Giới, không biết cái gì là ngữ nghiệp, mạng nghiệp — thì chết rồi.

Rồi cứ tưởng có ba cái chỗ ở, cái trang phục, với mấy bữa ăn là tu — chết. Phải có tuệ, phải có niệm. Phải có niệm và tuệ, cái đó mới gọi là nội hàm của người tu.

Còn nếu chỉ là cái bộ trang phục, hay hình thức ăn ở, thì không cần Phật ra đời, trên thế gian này lúc nào cũng đầy hết.

Trong kinh ghi rất rõ: cái gọi là Paribbājaka hay ẩn sĩ, du sĩ lang thang trên đường (isi, yati) — khi không có chư Phật ra đời, thì đầy như quân Nguyên.

Cái quý nhất là mình có được cái gì mà chỉ có khi chư Phật ra đời — đó chính là kiến văn và nhận thức. Còn nếu mà cứ ngán ngẩm chuyện học đạo, ngán học luật, học pháp, học giáo lý; không muốn nghe, không muốn học, mà chỉ thích làm gọn, làm nhanh, thì nguy hiểm lắm.

Cách đây có mấy hôm, tôi không loại trừ là trong buổi nói chuyện trưa nay có người đó đang nghe, nhưng tôi vẫn nói, không phải vì ác ý, mà vì lòng từ. Có người gửi thơ cho tôi, xin làm học trò, tự giới thiệu là "mới bỏ vợ, đang gom vải vụn để may một cái y — càng tan nát, càng nhiều màu, càng đa sắc càng tốt — không cần ai truyền giới hết, tự may xong khoác lên người rồi đi xin mỗi ngày để chấm dứt ngã mạn."

Thì tôi nói, theo kiểu bên Tàu, nói theo Hồ Quảng, hát bội: "Khá khen, khá khen cho một tấm lòng tu, nhưng cũng đáng tiếc cho một cái nhận thức hơi có vấn đề."

Chuyện đầu tiên là không học giáo lý, không chịu học giáo lý. Tôi nói không biết bao nhiêu lần rồi: chỉ cần nhìn một ví dụ rất đơn giản — chuyện ăn kiêng. Mình ăn kiêng mà mù tịt kiến thức thì sao? Ăn kiêng mà không biết chữ, không biết đọc sách, không biết đọc báo giấy, báo mạng; cứ nghe người ta nói: "ăn cái này được, ăn cái kia không được", gặp ông A nói kiểu này, bà B nói kiểu khác. Quý vị nghĩ coi chịu nổi không?

Tôi bị sỏi thận, tôi cũng thử tìm xem người bị sỏi thận nên tránh gì. Tôi hãi hùng luôn. Ở Tây Âu, Mỹ thì còn có điểm thống nhất, chứ tiếng Việt mình thì thôi rồi: đậu bắp, cần tây — chỗ này khuyên ăn, chỗ kia cấm ăn. Tôi bị tiểu đường tuýp hai, tìm trái cây cho người tiểu đường: thằng Tèo cho ăn, thằng Tí không cho. Quý vị tưởng tượng nổi không? Chỉ riêng chuyện ăn kiêng thôi mà không có kiến thức là chết chắc rồi.

Ăn kiêng thôi, chưa nói gì đến tu hành, giải thoát, thành Phật. Chỉ riêng ăn kiêng mà dốt là đủ chết rồi. Rõ ràng, quý vị vô internet kiểm coi có đúng không?

Cho nên, cái nội hàm của người tu là gì? Là phải có kiến thức, hiểu biết, nhận thức đúng đắn, nhờ đó mới có thể phân biệt chánh – tà, đúng – sai. Không có trí tuệ thì không thể có đạo nghiệp.

Là phải văn, tư, tu. Phải là văn, tư, tu. Nói cách khác, giới, định, tuệ là tam học, còn văn, tư, tu là ba thứ trí. Nhiều người cứ tưởng văn, tư, tu không liên quan gì đến giới, định, tuệ — sai. Trong ba trí đó có trí tu, mà trí tu chính là cái nhận thức có được từ hành trì, thực chứng, từ việc tu tập tam học mà ra.

Trí tu nghĩa là những nhận thức được cọ xát qua thực chứng hành trì, phát sinh từ quá trình tu tập giới, định, tuệ. Cho nên, "tu" ở đây là trí tuệ có được từ tam học, chứ không phải là chỉ ngồi suy tưởng.

Còn trí văn là do nghe học, học lõm, học lại từ người khác.

Trí tư là do suy gẫm, nghiền ngẫm, tiêu hóa cái đã nghe thành của mình.

Còn trí tu là khả năng nhận thức phát sinh từ thực chứng, từ việc hành trì giới, định, tuệ.

Đó — đó mới là nội hàm của người tu.

Còn nếu bắt chước người ta tu tướng không à, nhất là thời mạt pháp, lo xây một chỗ thờ phụng cho hoành tráng, hoặc sắm bộ trang phục cho te tua tả tơi cho ra vẻ "bần tăng khổ sải", hay chọn chỗ ăn ở sao cho nhìn "thiền vị" là tưởng tu rồi — cái đó không cần Phật ra đời cũng đầy rẫy.

Cái quan trọng nhất, như Đức Phật dạy ngài Upāli, chính là nội hàm.

Vì vậy, tôi nói bài kinh Upāli này là một trong mười bài kinh đầu tiên phải học, bởi vì cho đến hôm nay, rất nhiều Phật tử vẫn chia thành hai nhóm:

Nhóm một cho rằng phải về điểm A, điểm B, điểm C, điểm F gì đó mới gọi là tu đúng.

Mà tôi, tôi tuyệt đối chia sẻ quan điểm đó — chia sẻ để hiểu, để biết lý do người ta chọn như vậy, nhưng không phải đồng tình, vì nếu không có nội hàm, thì ở đâu cũng chỉ là tu tướng mà thôi.

Bởi vì một cái trú xứ, một cái chỗ ở mà nó bất tiện cho đời sống tâm linh thì đúng là cũng khó tu. Tuy nhiên, tiêu chuẩn để gọi là "chỗ thích hợp" không nằm ở phố hay ở rừng, mà là ở chỗ nào bản thân anh có được sự an tịnh, lắng đọng, thuận lợi cho giới, định, tuệ phát triển.

Chứ mình đừng chấp 100% rằng "ở rừng là thanh tịnh". Tôi bảo đảm, nếu rừng là thanh tịnh, thì ông thợ săn lên rừng cũng được thanh tịnh à? Còn nói "ở phố là bày hầy, là ồn ào" — vậy thì chùa Kỳ Viên của Đức Phật nằm ngay giữa nơi phồn hoa đô hội, mỗi ngày vương tôn, công tử, tài tử, giai nhân, phú hào lui tới rần rần rần rần, chẳng lẽ lại nói chùa Kỳ Viên không thanh tịnh sao?

Không phải! Vấn đề là anh như thế nào. Anh có nội lực, có giới, định, tuệ — thì chỗ của anh đó là phạm cung, là thánh xứ. Còn nếu anh bê bối, thì dẫu có lên rừng, anh cũng chỉ là con sóc, con chồn trong đó thôi.

Giống như người giàu có đời sống tâm linh, thì đúng là đại gia. Còn người giàu mà tâm linh nghèo nàn, ích kỷ, nhỏ mọn, toan tính, thì chỉ là con chó nhà giàu, hay con chim trong lồng son, lồng ngà mà thôi. Tôi biết nói vậy nặng, nhưng đó là sự thật.

Và từ đại gia tụt xuống con chó nhà giàu, chỉ cách nhau có một gang tay thôi. Chứ không phải có bạc tỷ là thành đại gia đâu. Đại gia là do mấy thằng nịnh nói, hoặc do mình tự tưởng. Chứ trong mắt nhiều người, họ nói văn hoa thì gọi là trọc phú, còn nói thẳng ra thì chỉ là con chó nhà giàu — nghĩa là vẫn ăn theo chuẩn "chó Đức", nhưng đời sống tâm linh nghèo nàn, ích kỷ, chỉ biết tiền bạc, tài sản, chẳng biết nghĩ đến chia sẻ hay đóng góp cho xã hội.

Tôi kể cái này, tôi cũng giấu tên vì chuyện tế nhị. Cách đây khoảng hai mươi năm, ở Mỹ có một người Việt Nam trúng số. Nếu lãnh từ từ suốt đời thì được khoảng 100–200 triệu đô, còn nếu lãnh liền thì sau khi trừ thuế má chỉ còn khoảng 60 triệu. Có một câu nói của ổng mà tôi nghe xong thật sự ngỡ ngàng. Phóng viên Việt Nam của một tờ báo tiếng Việt hỏi: "Ông có hoạch định gì trong tương lai với số tiền này không?" Ổng trả lời: "Tôi chưa bao giờ nghĩ trong đời mình sẽ có số tiền như vậy." — chuyện này thì mình còn thông cảm được. Nhưng ổng nói tiếp: "Tôi cũng chưa bao giờ nghĩ là mình sẽ xài một cái gì đó mà tới bạc triệu." Nghe tới đây thì tôi nói thiệt, tôi thấy không bình thường.

Đàn bà phụ nữ thì có thể khác, mình không nói. Nhưng đàn ông, dù là bán vé số, đạp xích lô, hay là thầy chùa, linh mục — lúc nào cũng phải có tâm nguyện mang tính hy hiến và đóng góp. Dù bây giờ trong tay chỉ có mấy tờ vé số, thì trong đầu cũng phải có ước mơ vượt khỏi cơm áo gạo tiền, vượt khỏi mái nhà chỉ có vợ và con. Như vậy mới gọi là đàn ông đại trượng phu.

Nếu ai hỏi tôi “trượng phu là gì?”, tôi nói trượng phu là người đàn ông có tầm nhìn vượt ra khỏi mái nhà của mình, vượt ra khỏi lũy tre làng của mình, biết nghĩ đến xã hội, đất nước, dân tộc và chúng sinh.

Cũng vậy, tu hành mà cứ lè tè, cứ tưởng rằng ăn kiểu đó, mặc kiểu đó, ở chỗ đó nhìn được được là tu — không phải. Đó chỉ là con chuột trong cái kiểng chùa thôi. Tu là để sau khi tu, khả năng tháo gỡ của mình tốt hơn, mình có thể thích được những điều mà người đời không thích được, buông được những điều mà người đời không buông được — đó mới là lý tưởng của người tu.

Thí dụ như: thích được những trang kinh ố vàng, đèn khuya leo lét, gió thổi heo hắt, bụng đói chỉ uống nước cầm canh mà vẫn thấy hạnh phúc. Đó mới là nội lực của người tu, là niềm sung sướng của bậc hành giả chân thật.

Mình thích được đời sống một mình, đấy, cái đó là cái mà người đời họ chịu không nổi. Người đời chỉ sống được như vậy khi họ hết đường rút, còn mình thì không — mình có trăm ngàn cơ hội, nhưng cái sung sướng của mình là được ngồi đọc kinh khuya dưới ngọn đèn khuya, thích được những cái mà người đời không thích.

Có vị nghi ngờ, hỏi tôi: “Cái đó có trong kinh không?” Tôi nói: “Dạ có, có trong kinh.” Trong kinh nói rõ: “Thích được cái mà người ta ghét, chán được cái mà người ta đam mê.” Cái đó là lời Phật dạy, không phải tôi chế ra.

Tôi nhắc lại: có hai điều —

- Một là thích được cái mà người ta chán,
- Hai là chán được cái mà người ta thích.

Người tu phải có khả năng đó, ghê vậy đó.

Chứ còn nếu chỉ là hình thức thôi thì mình chỉ là con chuột trong chùa thôi, chỉ là con chuột trong chùa nha. Cho nên, bài kinh này rất sâu, sâu lắm. Người tu — dù có tóc hay không tóc — không quan trọng, cái quan trọng là phải có nội hàm.

Còn tất cả những hình thức từ chuyện ăn, mặc, ở chỉ là phần bên ngoài. Nói thiệt, mấy ông đóng cải lương còn làm được — đọc “Quan Âm Thị Kính”, có người còn dám đóng vai Thái tử Tất Đạt Đa, Càn Na Lợi, Càn Na Liệt gì đó — làm được hết. Nếu chỉ là diễn, thì người ta diễn được, chứ đâu cần tu. Một người không biết chữ, chỉ cần đọc tuồng cho họ nghe, nhắc tuồng cho họ, họ cũng diễn được.

Nhưng cái tu thật thì khác. Bác sĩ, kỹ sư, bằng cấp một túi luôn, nhưng chuyện buông thì không làm nổi. Nhìn vậy đó, nhưng khi cần buông thì buông không được, cần dừng thì dừng không được. Còn mình, người tu, có những cái nhận thức mà người ta không có nổi, đó mới là cái quý.

Mình làm được những cái người ta làm không được, buông được những cái người ta buông không được, vui được với những cái người ta vui không được — đó chính là nội hàm của người tu.

Đó chính là nội dung của bài kinh Upāli. Tôi nhắc lại:

- Một, đừng học đòi người ta mà không lượng sức mình, bắt chước người ta tu tướng mà quên tu tâm.
- Hai, đã có khả năng tu tâm rồi, thì tướng sau cũng sẽ đi theo thôi.

Nhớ hai chuyện này.

Ok, chúc các vị một ngày vui.